



zhuān tóu

砖头

noun · brick

Example Sentences

Dì shàng yǒu yī kuài zhuān tóu

地上有一块砖头。

There is a brick on the ground.

Gōng rén yòng zhuān tóu qī le yī dǔ qiáng

工人用砖头砌了一堵墙。

The workers built a wall with bricks.

Trace each character, then write the word on your own.

砖	砖	砖	砖	砖	砖	砖	砖	砖	砖	砖
砖										
头	头	头	头	头	头	头	头			